

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830201] - Thực tập sử dụng
dụng cụ cầm tay (CCQ2205A)
CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 19.
Số bài thi: 19.
Số tờ giấy thi: 19.

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,9	8,5	8,7
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,6	8,0	8,2
3	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,4	7,5	7,9
4	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	8,4	8,0	8,2
5	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,0	8,0	8,0
6	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	7,6	7,5	7,5
7	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	8,0	7,0	7,4
8	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,8	8,0	8,3
9	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,8	8,0	8,3
10	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	7,9	9,0	8,6
11	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,5	9,0	8,8
12	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,3	8,0	8,1
13	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	6,9	8,0	7,6
14	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	7,9	7,0	7,4
15	2122050084	Võ Văn Minh	Thuận	29/06/2004	CCQ2205C				
16	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,4	7,0	7,6
17	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	6,8	7,5	7,2
18	2122050114	Nguyễn Văn	Trường	08/03/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	7,4	7,5	7,5
19	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B	<i>(Signature)</i>	8,1	8,0	8,0
20	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	<i>(Signature)</i>	8,1	7,5	7,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830203] - Thực tập sử dụng
dụng cụ cầm tay (CCQ2205A)
CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050043	Đặng Quốc Cường	18/03/2004	CCQ2205B		Cuon	8,0	8,5	8,3
2	2122050022	Mai Quang Đại	10/06/2004	CCQ2205A		Hai	8,4	8,0	8,2
3	2122050127	Nguyễn Ngọc Đức	13/03/2004	CCQ2205D		Đức	8,7	8,0	8,3
4	2122050042	Trần Lê Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	8,9	9,0	9,0
5	2122050119	Trương Minh Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		Hiên	8,0	7,5	7,7
6	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khải	8,3	7,5	7,8
7	2122050015	Trương Đắc Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		Ngọc	7,9	8,5	8,3
8	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhân	8,4	8,0	8,2
9	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		Nhật	8,3	7,5	7,8
10	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Phát	7,9	7,0	7,4
11	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phúc	7,5	7,5	7,5
12	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		Quốc	7,9	8,0	8,0
13	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		Quốc	8,2	8,0	8,1
14	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Sơn	8,5	7,0	7,6
15	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A		Tân	8,1	9,0	8,6
16	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		Thu	8,5	8,0	8,2
17	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D		Toàn	7,6	7,0	7,2
18	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		Trọng	7,6	7,0	7,2
19	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	7,1	7,5	7,3
20	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A		Việt	7,7	7,5	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830202] - Thực tập sử dụng
dụng cụ cầm tay (CCQ2205B)
CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 19.
Số bài thi: 19...
Số tờ giấy thi: 19.

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,6	8,0	8,2
2	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D		<i>(Signature)</i>	7,8	8,0	7,9
3	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,6	8,0	8,2
4	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	8,2	8,0	8,1
5	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		<i>(Signature)</i>	8,5	8,0	8,2
6	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,6	7,5	7,9
7	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	7,8	8,0	7,9
8	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,7	7,0	7,7
9	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B					
10	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,8	9,0	8,9
11	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		<i>(Signature)</i>	7,6	7,5	7,5
12	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,5	7,5	7,9
13	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,9	9,5	9,3
14	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,4	7,5	7,9
15	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,5	7,5	7,9
16	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	9,1	8,0	8,4
17	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,6	8,0	8,2
18	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	8,3	8,0	8,1
19	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A		<i>(Signature)</i>	7,2	7,5	7,4
20	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		<i>(Signature)</i>	8,6	7,5	7,9